

THÔNG BÁO TUYỂN NGHIÊN CỨU SINH NĂM 2021

Kính gửi :

Căn cứ “Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ” ban hành kèm theo Thông tư số 08/2017/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ “Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ” ban hành theo Quyết định số 1713A/QĐ-ĐHVVN ngày 25 tháng 9 năm 2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hàng hải Việt Nam.

Trường Đại học Hàng hải Việt Nam thông báo kế hoạch tuyển nghiên cứu sinh đào tạo trình độ tiến sĩ trong năm 2021, nội dung như sau:

1. THỜI GIAN VÀ HÌNH THỨC TUYỂN SINH

- Thời gian tuyển sinh: từ tháng 01 đến tháng 12 năm 2021 (tuyển sinh nhiều lần trong năm).
- Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển, bao gồm đánh giá hồ sơ dự tuyển và đề cương nghiên cứu.

2. HÌNH THỨC VÀ THỜI GIAN ĐÀO TẠO

- **Hình thức đào tạo:** Giáo dục chính quy.
- **Thời gian đào tạo:** Thời gian đào tạo trình độ tiến sĩ là 4 năm tập trung. Trong đó, nghiên cứu sinh phải dành ít nhất 12 tháng theo học tập trung liên tục tại Trường trong giai đoạn 24 tháng đầu, kể từ khi có quyết định công nhận nghiên cứu sinh.

3. NGÀNH, CHUYÊN NGÀNH ĐÀO TẠO

TT	Ngành/Chuyên ngành đào tạo	Mã số	Dự kiến chỉ tiêu
1	Kỹ thuật cơ khí động lực, gồm các chuyên ngành:	9520116	08

TT	Ngành/Chuyên ngành đào tạo	Mã số	Dự kiến chỉ tiêu
1.1	- Khai thác, bảo trì tàu thủy	-	04
1.2	- Máy và thiết bị tàu thủy	-	02
1.3	- Kỹ thuật tàu thủy	-	02
2	Tổ chức và Quản lý vận tải	9840103	04
3	Khoa học hàng hải	9840106	04
4	Kỹ thuật điều khiển và Tự động hóa	9520216	03
5	Kỹ thuật xây dựng công trình thủy	9580202	03
	Tổng cộng:		22

4. ĐIỀU KIỆN DỰ TUYỂN

4.1. Về văn bằng

Người dự tuyển nghiên cứu sinh phải thỏa mãn các điều kiện sau đây về văn bằng:

- Có bằng thạc sĩ ngành phù hợp với ngành đăng ký dự tuyển.
- Hoặc có bằng tốt nghiệp đại học ngành phù hợp với ngành đăng ký dự tuyển và xếp loại tốt nghiệp hạng “giỏi” trở lên.

(Danh mục ngành phù hợp được xét tuyển đối với từng ngành đào tạo trình độ tiến sĩ tại Trường đi kèm thông báo này)

4.2. Về đề cương nghiên cứu

- a) Trình bày rõ ràng về đề tài hoặc lĩnh vực nghiên cứu, về lý do lựa chọn đề tài hoặc lĩnh vực nghiên cứu, mục tiêu và mong muốn đạt được.
- b) Kế hoạch thực hiện trong từng thời kỳ của thời gian đào tạo.
- c) Kinh nghiệm, kiến thức, sự hiểu biết cùng như sự chuẩn bị của thí sinh về đề tài hoặc lĩnh vực nghiên cứu.
- d) Đề xuất người hướng dẫn (NHD) trên cơ sở có sự đồng thuận bằng văn bản của người được đề xuất.

(Danh mục hướng nghiên cứu và Danh sách các nhà khoa học hướng dẫn NCS của các ngành và chuyên ngành đi kèm thông báo này)

4.3. Về công trình khoa học công bố

Người dự tuyển nghiên cứu sinh là tác giả 01 bài báo hoặc báo cáo liên quan đến lĩnh vực dự định nghiên cứu đăng trên tạp chí khoa học hoặc kỹ yếu hội nghị, hội thảo khoa học chuyên ngành có phản biện trong thời hạn 03 năm (36 tháng) tính đến ngày

đăng ký dự tuyển.

4.4. Về thư giới thiệu

Người dự tuyển nghiên cứu sinh phải có thư giới thiệu của ít nhất 01 nhà khoa học có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có học vị tiến sĩ khoa học, tiến sĩ đã tham gia hoạt động chuyên môn với người dự tuyển và am hiểu lĩnh vực mà người dự tuyển dự định nghiên cứu.

Lưu ý: Thư giới thiệu phải có đánh giá phẩm chất nghề nghiệp, năng lực chuyên môn và khả năng thực hiện nghiên cứu của người dự tuyển.

4.5. Về trình độ ngoại ngữ

Người dự tuyển nghiên cứu sinh là công dân Việt Nam phải có một trong các văn bằng, chứng chỉ sau đây:

a) Bằng tốt nghiệp đại học hoặc bằng thạc sĩ do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp cho người học toàn thời gian ở nước ngoài mà ngôn ngữ sử dụng trong quá trình học tập là tiếng Anh hoặc tiếng nước ngoài khác;

b) Bằng tốt nghiệp đại học các ngành ngôn ngữ nước ngoài do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp;

c) Chứng chỉ tiếng Anh TOEFL iBT từ 45 trở lên hoặc Chứng chỉ IELTS (Academic Test) từ 5.0 trở lên do một tổ chức khảo thí được quốc tế và Việt Nam công nhận cấp trong thời hạn 02 năm (24 tháng) tính đến ngày đăng ký dự tuyển;

d) Người dự tuyển đáp ứng quy định tại điểm a khoản này khi ngôn ngữ sử dụng trong thời gian học tập không phải là tiếng Anh; hoặc đáp ứng quy định tại điểm b khoản này khi có bằng tốt nghiệp đại học ngành ngôn ngữ nước ngoài không phải là tiếng Anh; hoặc có các chứng chỉ tiếng nước ngoài khác tiếng Anh ở trình độ tương đương (Cambridge examination: CAE 45-59/ PET Pass with Distinction; CIEP/Alliance française diplomas: TCF B2/ DELF B2/ Diplôme de Langue; Goethe –Institut: Goethe-Zertifikat B2/ Zertifikat Deutsch für den Beruf ; TestDaF: TDN3-TDN4; Chinese Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK): HSK level 6; Japanese Language Proficiency Test: N2; ТРКИ - Тест по русскому языку как иностранному: ТРКИ-2) theo quy định tại điểm c khoản này do một tổ chức khảo thí được quốc tế và Việt Nam công nhận cấp trong thời hạn 02 năm (24 tháng) tính đến ngày đăng ký dự tuyển thì phải có khả năng giao tiếp được bằng tiếng Anh trong chuyên môn (có thể diễn đạt những vấn đề thuộc lĩnh vực

chuyên môn cho người khác hiểu bằng tiếng Anh và hiểu được người khác trình bày những vấn đề chuyên môn bằng tiếng Anh).

Người dự tuyển là công dân nước ngoài phải có trình độ tiếng Việt tối thiểu từ Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài.

4.6. Về kinh nghiệm quản lý và thâm niên công tác

Không yêu cầu người dự tuyển nghiên cứu sinh về kinh nghiệm quản lý và thâm niên công tác.

5. HỒ SƠ DỰ TUYỂN

01 bộ hồ sơ dự tuyển gồm có:

- Phiếu đăng ký dự tuyển (theo mẫu quy định);
- Sơ yếu lý lịch có xác nhận trong thời hạn 6 tháng của cơ quan quản lý nhân sự hoặc của xã/phường/thị trấn nơi cư trú (đối với người chưa có việc làm). Sơ yếu lý lịch phải dán ảnh của người đăng ký dự tuyển và đóng dấu giáp lai;
- Lý lịch khoa học (theo mẫu);
- Công văn cử đi dự tuyển của cơ quan quản lý trực tiếp theo quy định hiện hành về việc đào tạo và bồi dưỡng công chức, viên chức, trong đó cam kết tạo mọi điều kiện để người dự tuyển thực hiện các yêu cầu về thời gian và hình thức đào tạo (nếu người dự tuyển là công chức, viên chức);
- Bản sao có công chứng văn bằng, bảng điểm đại học; bằng, bảng điểm thạc sĩ kèm theo bản chính để đối chiếu ((trong trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp));
- Đè cương nghiên cứu (theo mẫu) (08 bản);
- Thư giới thiệu;
- Bản sao có công chứng văn bằng, chứng chỉ xác nhận trình độ ngoại ngữ;
- Bản sao chụp bìa, mục lục tạp chí và toàn văn 01 bài báo hoặc báo cáo liên quan đến lĩnh vực dự định nghiên cứu đăng trên tạp chí khoa học hoặc kỹ yếu hội nghị, hội thảo khoa học chuyên ngành có phản biện trong thời hạn 03 năm (36 tháng) tính đến ngày đăng ký dự tuyển; Quyết định giao nhiệm vụ NCKH, Quyết định Hội đồng nghiệm thu đề tài NCKH và biên bản nghiệm thu đề tài NCKH các cấp (nếu có) (08 bộ);
- Giấy khám sức khỏe của cơ sở y tế;
- Bản sao giấy khai sinh (có công chứng);
- 02 (hai) ảnh chân dung mới chụp cỡ 4x6 (ghi rõ họ và tên và ngày tháng năm sinh

ở mặt sau); 02 phong bì dán tem ghi rõ địa chỉ của người nhận trên phong bì (để gửi giấy triệu tập nhập học trong trường hợp trúng tuyển).

6. THỜI GIAN NHẬN HỒ SƠ, XÉT TUYỂN VÀ LỆ PHÍ

- Thời gian phát hành hồ sơ: từ 01/12/2020 tại Viện Đào tạo sau đại học - Trường Đại học Hàng hải Việt Nam.

- Thời gian tiếp nhận hồ sơ dự tuyển: từ ngày 01/01/2021.

- Lệ phí dự tuyển theo Quy định về mức thu lệ phí tuyển sinh của Trường Đại học Hàng hải Việt Nam.

- Địa điểm nhận hồ sơ: Viện Đào tạo sau đại học, P.203, Nhà A6, Khu hiệu bộ, Trường Đại học Hàng hải Việt Nam.

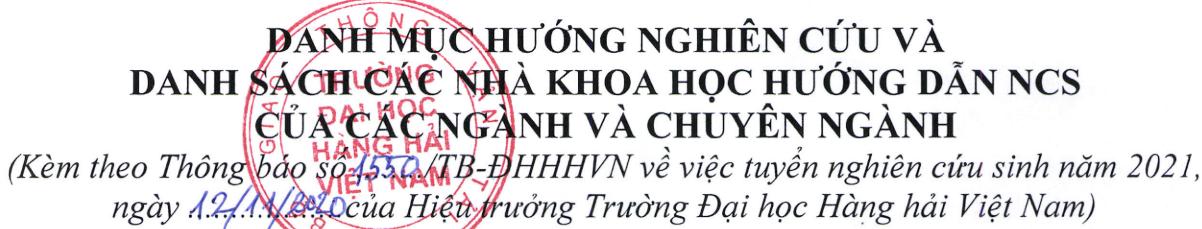
- Thời gian xét tuyển cụ thể sẽ được thông báo trên trang Web của Trường Đại học Hàng hải Việt Nam và Viện Đào tạo sau đại học.

Để biết thêm chi tiết, vui lòng liên hệ về Địa chỉ: Viện Đào tạo sau đại học, Trường Đại học Hàng hải Việt Nam, số 484 - Lạch Tray - Lê Chân - Hải Phòng. Điện thoại: 02253735879; E-mail: sdh@vimaru.edu.vn hoặc <http://www.vimaru.edu.vn/> và <http://sdh.vimaru.edu.vn/>.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ GD&ĐT (để báo cáo);
- Bộ GTVT (để báo cáo);
- Lưu: VT, V.ĐTSĐH.





I. TIÊU CHUẨN NGƯỜI HƯỚNG DẪN NGHIÊN CỨU SINH

Căn cứ Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ ban hành kèm theo Quyết định số 1713A/QĐ-ĐHHHVN ngày 25 tháng 9 năm 2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hàng hải Việt Nam, mỗi nghiên cứu sinh có tối đa 02 người hướng dẫn với ít nhất phải có một người là giảng viên, nghiên cứu viên cơ hưu của cơ sở đào tạo, trong đó:

1. *Người hướng dẫn lập hoặc người dẫn chính của NCS phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau đây:*

- Là công dân Việt Nam hoặc công dân nước ngoài có phẩm chất, đạo đức tốt; có sức khỏe theo yêu cầu nghề nghiệp;

- Có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có bằng tiến sĩ khoa học, tiến sĩ có chuyên môn phù hợp với đề tài luận án hoặc lĩnh vực nghiên cứu của nghiên cứu sinh; đối với người chưa có chức danh giáo sư, phó giáo sư thì phải có tối thiểu 03 năm (36 tháng) làm công tác nghiên cứu khoa học hoặc giảng dạy kể từ khi có quyết định cấp bằng tiến sĩ;

- Đã hoặc đang chủ trì các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Trường trở lên;

- Là tác giả chính tối thiểu 01 bài báo hoặc công trình khoa học đăng trên tạp chí thuộc danh mục các tạp chí của cơ sở dữ liệu ISI Thomson Reuters hoặc của cơ sở dữ liệu Scopus - Elsevier (sau đây gọi chung là danh mục các tạp chí ISI - Scopus) hoặc ít nhất một chương sách tham khảo có mã số chuẩn quốc tế ISBN do các nhà xuất bản nước ngoài phát hành; hoặc là tác giả chính của tối thiểu 02 báo cáo đăng trên kỷ yếu hội thảo quốc tế có phản biện, hoặc 02 bài báo hoặc công trình khoa học đăng trên tạp chí khoa học nước ngoài có phản biện thuộc lĩnh vực khoa học liên quan đến đề tài luận án của nghiên cứu sinh;

- Trường hợp chưa có chức danh giáo sư hoặc phó giáo sư, ngoài việc phải đáp ứng quy định nêu trên phải là tác giả chính của thêm 01 bài báo hoặc công trình khoa học đăng trên tạp chí khoa học thuộc danh mục các tạp chí ISI - Scopus;

- Có năng lực ngoại ngữ phục vụ nghiên cứu và trao đổi khoa học quốc tế;

- Phải là giảng viên, nghiên cứu viên cơ hưu của Trường hoặc là nhà khoa học người nước ngoài, nhà khoa học Việt Nam đang làm việc ở nước ngoài có hợp đồng giảng dạy, nghiên cứu khoa học với Trường.

2. *Người hướng dẫn phụ của NCS phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau đây:*

- Là công dân Việt Nam hoặc công dân nước ngoài có phẩm chất, đạo đức tốt; có sức khỏe theo yêu cầu nghề nghiệp;

- Có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có bằng tiến sĩ khoa học, tiến sĩ có chuyên môn phù hợp với đề tài luận án hoặc lĩnh vực nghiên cứu của nghiên cứu sinh; đối với người chưa có chức danh giáo sư, phó giáo sư thì phải có tối thiểu 03 năm (36 tháng) làm công tác nghiên cứu khoa học hoặc giảng dạy kể từ khi có quyết định cấp bằng tiến sĩ;

- Đã hoặc đang chủ trì các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Trường trở lên.

II. DANH MỤC HƯỚNG NGHIÊN CỨU VÀ NGƯỜI HƯỚNG DẪN

1. NGÀNH: KỸ THUẬT CƠ KHÍ ĐỘNG LỰC; MÃ SỐ: 9520116

1.1. Chuyên ngành: Khai thác, bảo trì tàu thủy

Hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu	Các nhà khoa học có thể hướng dẫn NCS
<ol style="list-style-type: none"> 1. Tận dụng nhiệt khí xả, thiết kế chế tạo máy lạnh tàu thủy. 2. Tận dụng nhiệt mặt trời cho thiết kế chế tạo máy lạnh tàu thủy. 3. Tận dụng nhiệt động cơ Diesel tàu thủy 4. Tính toán các quá trình công tác động cơ diesel tàu thủy bằng các phần mềm hiện đại. 5. Nghiên cứu ảnh hưởng của quá trình phun nhiên liệu nhiều giai đoạn đến quá trình công tác của động cơ diesel tàu thủy. 6. Nghiên cứu ảnh hưởng của tốc độ hành trình đến hiệu quả làm mát của két nước ngọt dạng tấm cho động cơ diesel chính tàu thủy. 7. Chế tạo thử nghiệm thiết bị đo mô men xoắn hệ trực diesel tàu thủy. 8. Thiết kế chế tạo thử nghiệm hệ thống điều khiển cấp nhiên liệu điện tử cho động cơ diesel tàu thủy sử dụng nhiên liệu sinh học. 9. Cải tiến thiết bị cung cấp nhiên liệu cho động cơ diesel tàu thủy. 	GS.TS. Lương Công Nhớ PGS.TSKH. Đặng Văn Uy PGS.TS. Nguyễn Đại An PGS.TSKH. Đỗ Đức Lưu PGS.TS. Lê Văn Học PGS.TS. Nguyễn Hồng Phúc PGS.TS. Lê Văn Điểm PGS.TS. Nguyễn Huy Hào PGS.TS. Trần Hồng Hà PGS.TS. Trương Văn Đạo PGS.TS. Phạm Xuân Dương TS. Khiếu Hữu Triển TS. Ngô Ngọc Lan TS. Nguyễn Trí Minh TS. Đặng Văn Tuấn TS. Nguyễn Tuấn Anh

1.2. Chuyên ngành: Máy và thiết bị tàu thủy

Hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu	Các nhà khoa học có thể hướng dẫn NCS
<ol style="list-style-type: none"> 1. Các chế độ chuyển tiếp động cơ diesel tàu thủy. 2. Nghiên cứu sử dụng hiệu quả năng lượng động cơ diesel tàu thủy. 3. Nghiên cứu, đánh giá việc giảm thiểu ô nhiễm môi trường từ động cơ diesel tàu thủy. 4. Thiết bị nâng hạ, thiết bị tàu thủy, dao động hệ trực tàu TT. 5. Ảnh hưởng đặc tính nhiên liệu tới hệ thống cung cấp nhiên liệu của động cơ diesel tàu thủy. 6. Nghiên cứu hoán cải hệ thống tăng áp động cơ diesel tàu thủy đang khai thác nhằm cải thiện chế độ công tác. 	GS.TS. Lê Viết Lượng PGS.TS. Đào Ngọc Biên PGS.TS. Lê Anh Tuấn PGS.TS. Nguyễn Mạnh Thường TS. Quản Trọng Hùng TS. Thẩm Bội Châu TS. Cao Đức Thiệp TS. Vũ Văn Duy TS. Hoàng Mạnh Cường

2. NGÀNH/CHUYÊN NGÀNH: KỸ THUẬT ĐIỀU KHIỂN VÀ TỰ ĐỘNG HÓA; MÃ SỐ: 9520216

Hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu	Các nhà khoa học có thể hướng dẫn NCS
<ol style="list-style-type: none"> 1. Ứng dụng điều khiển thông minh trong truyền động điện công nghiệp (các loại động cơ điện). 	PGS.TS. Lưu Kim Thành PGS.TS. Hoàng Xuân Bình

Hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu	Các nhà khoa học có thể hướng dẫn NCS
2. Ứng dụng điều khiển thông minh trong điều khiển máy CNC và tay máy (cơ điện tử).	PGS.TS. Trần Anh Dũng
3. Ứng dụng điều khiển thông minh trong điều khiển chuyển động tàu thủy.	PGS.TS. Lê Quốc Vượng
4. Ứng dụng điều khiển thông minh trong quá trình công nghiệp.	PGS.TS. Trần Xuân Việt
5. Điều khiển tối ưu, thích nghi, mờ cho các đối tượng có tham số và nhiều thay đổi (động cơ xoay chiều 3 pha, lò nhiệt, khớp mềm, robot, tàu thủy, tàu ngầm,...).	PGS.TS. Trần Sinh Biên
6. Kỹ thuật thông tin, đo lường và cảm biến.	PGS.TS. Đào Minh Quân
7. Nâng cao chất lượng của các bộ biến tần.	PGS.TS. Hoàng Đức Tuấn
8. Nâng cao chất lượng điều khiển hệ thống cung cấp năng lượng điện tàu thủy.	PGS.TS. Đinh Anh Tuấn
9. Nâng cao chất lượng điều khiển hệ thống năng lượng điện tái tạo.	PGS.TS. Phạm Kỳ Quang
10. Nâng cao chất lượng điều khiển hệ động lực tàu thủy.	PGS.TS. Nguyễn Khắc Khiêm
11. Phát triển điều khiển và giám sát bằng mạng truyền thông công nghiệp (ứng dụng trong các nhà máy và trên tàu thủy).	TS. Phạm Văn Phước
12. Nâng cao chất lượng điều khiển và giám sát từ xa.	TS. Đặng Hồng Hải
13. Ứng dụng điều khiển thông minh trong tự động hóa truyền tải điện.	TS. Phạm Tâm Thành
	PGS.TS. Vương Đức Phúc
	GS.TSKH. Thân Ngọc Hoàn
	PGS.TS. Phạm Ngọc Tiệp
	GS.TSKH. Nguyễn Phùng Quang
	PGS.TS. Bùi Quốc Khanh
	PGS.TS. Nguyễn Văn Liễn
	GS.TS. Nguyễn Doãn Phuớc
	PGS.TSKH. Trần Hoài Linh
	PGS.TS. Trần Trọng Minh
	GS.TS. Phạm Thị Ngọc Yến
	PGS.TS. Nguyễn Tiến Ban
	TS. Lưu Hoàng Minh

3. NGÀNH/CHUYÊN NGÀNH: KỸ THUẬT XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH THỦY; MÃ SỐ: 9580202

Hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu	Các nhà khoa học có thể hướng dẫn NCS
1. Nghiên cứu tính toán Động lực học công trình;	PGS.TS. Đào Văn Tuấn
2. Nghiên cứu ứng dụng mô hình Vật lý Thủy lực trong Công trình thủy;	PGS.TS. Phạm Văn Thứ
3. Nghiên cứu Bồi xói do sóng và dòng chảy;	PGS.TS. Nguyễn Văn Ngọc
4. Nghiên cứu mô phỏng trong Công trình thủy bằng ANSYS.	PGS.TS. Hà Xuân Chuẩn
5. Nghiên cứu độ tin cậy khai thác của các công trình	TS. Phạm Văn Trung

Hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu	Các nhà khoa học có thể hướng dẫn NCS
<p>bến cảng</p> <p>6. Nghiên cứu độ tin cậy khai thác của các công trình bảo vệ cảng và bờ biển</p> <p>7. Nghiên cứu đánh giá rủi ro xây dựng các công trình thủy</p> <p>8. Phân tích và dự báo rủi ro tai nạn trong xây dựng các công trình bến cảng</p> <p>9. Phân tích và đánh giá nguồn dự trữ của công trình thủy</p> <p>10. Nghiên cứu diễn biến luồng lạch</p> <p>11. Thiết kế, quy hoạch tuyến vận tải thủy, công trình đường thủy</p> <p>12. Công nghệ nạo vét</p> <p>13. Nghiên cứu kết cấu mới, vật liệu mới, công nghệ thi công mới</p> <p>14. Nghiên cứu độ bền mới công trình biển, công trình giao thông</p> <p>15. Nghiên cứu xây dựng chương trình tính toán giải các bài toán đặc chủng</p> <p>16. Nghiên cứu xử lý nền đất yếu phục vụ xây dựng công trình</p>	<p>PGS.TS. Nguyễn Thanh Sơn</p> <p>TS. Nguyễn Phan Anh</p> <p>TS. Trần Khánh Toàn</p> <p>TS. Trần Long Giang</p>

4. NGÀNH/CHUYÊN NGÀNH: TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ VẬN TẢI; MÃ SỐ: 9840103

Hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu	Các nhà khoa học có thể hướng dẫn NCS
1. Xây dựng mô hình dự báo lượng Container qua các cảng biển Việt Nam	PGS.TS. Nguyễn Văn Sơn
2. Tối ưu hóa khai thác đội tàu vận tải dầu của Việt Nam	PGS.TS. Nguyễn Hồng Vân
3. Tối ưu hóa hệ thống công nghệ vận tải than cung ứng cho các nhà máy nhiệt điện của Việt Nam.	PGS.TS. Đặng Công Xưởng
4. Thiết lập hệ thống vận tải nội địa phục vụ cho các cảng khu vực Hải Phòng	PGS.TS. Dương Văn Bạo
5. Lộ trình cam kết về vận tải biển trong WTO và tác động của nó đến vận tải biển Việt Nam.	PGS.TS. Vũ Trụ Phi
6. Các giải pháp nhằm tham gia các công ước quốc tế về vận tải biển.	PGS.TS. Đỗ Thị Mai Thom
7. Giải pháp phát triển các dịch vụ hàng container khu vực Hải Phòng.	TS. Mai Khắc Thành
8. Công tác quản lý tài chính trong doanh nghiệp vận tải biển.	TS. Lê Thanh Phương
9. Tối ưu hóa hệ thống vận tải hàng xuất khẩu, nhập	TS. Hoàng Chí Cương PGS.TS. Đan Đức Hiệp PGS.TS. Phạm Văn Cương GS.TS. Vương Toàn Thuyên

<p>khẩu của Việt Nam.</p> <p>10. Nghiên cứu năng lực cạnh tranh của đội tàu vận tải biển.</p> <p>11. Nghiên cứu năng lực tài chính của đội tàu vận tải biển.</p> <p>12. Cơ cấu hóa doanh nghiệp vận tải biển Việt Nam</p>	<p>PGS.TS. Nguyễn Thái Sơn TS. Đặng Văn Hưng</p>
---	--

5. NGÀNH/CHUYÊN NGÀNH: KHOA HỌC HÀNG HẢI; MÃ SỐ: 9840106

Hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu	Các nhà khoa học có thể hướng dẫn NCS
1. Tự động hóa điều khiển tàu biển và sử dụng các phương pháp hiện đại trong điều khiển tàu biển.	PGS.TS. Đinh Xuân Mạnh
2. Mô hình hóa và mô phỏng quá trình làm việc và đánh giá hiệu quả tối ưu của hệ thống kỹ thuật hàng hải.	PGS.TS. Nguyễn Cảnh Sơn TS. Nguyễn Mạnh Cường
3. Tính toán, đánh giá độ tin cậy của hệ thống kỹ thuật hàng hải.	TS. Nguyễn Thái Dương
4. Tính toán hiệu quả làm việc tối ưu trong kênh thông tin của hệ thống vệ tinh hàng hải theo nhóm chỉ tiêu kỹ thuật an toàn hàng hải.	TS. Nguyễn Đình Thạch
5. Hệ thống định vị vệ tinh toàn cầu, hệ thống DGPS, GMDSS, Hải đồ điện tử, hệ thống kỹ thuật hàng hải như: máy lái, máy đo sâu, radar,...	TS. Nguyễn Văn Sướng
6. Đánh giá, phân tích, dự báo thời tiết biển, khí tượng thủy văn hàng hải, hải dương học, động lực học biển,...	TS, Nguyễn Thành Lê TS. Phan Văn Hưng
7. Quản lý an toàn hàng hải, kiểm soát, điều phối giao thông hàng hải, mạng lưới hệ thống VTS,...	PGS.TS. Nguyễn Viết Thành
8. An toàn vận chuyển hàng hóa bằng đường biển, xếp dỡ, ổn định tàu biển,...	PGS.TS. Phạm Kỳ Quang
9. Quản lý đội tàu, quản lý khai thác vận chuyển hàng hóa,...	PGS.TS. Phạm Văn Thuần
10. Luật hàng hải, luật biển, các công ước quốc tế, tìm kiếm cứu nạn, sự cố hàng hải, tranh chấp, bảo hiểm hàng hải và bảo vệ môi trường biển	PGS.TS. Nguyễn Kim Phương
11. Bảo đảm an toàn hàng hải, hệ thống phao tiêu, luồng lạch.	PGS.TS. Nguyễn Công Vịnh
12. Điều động tàu và quy tắc tránh va.	PGS.TS. Lê Quốc Tiến
13. Điều khiển tối ưu, thích nghi, mờ cho các đối tượng phi tuyến có tham số và nhiễu thay đổi (chuyển động tàu thủy, điều khiển hướng đi, khớp mềm, robot, tàu thủy, tàu ngầm,...)	PGS.TS. Nguyễn Minh Đức PGS.TS. Trần Văn Lượng PGS.TS. Lê Quốc Vượng
14. Xây dựng mô hình tối ưu đào tạo, huấn luyện thuyền viên.	PGS.TS. Trần Xuân Việt TS. Nguyễn Thanh Sơn TS. Phạm Việt Cường
15. Nghiên cứu tối ưu hóa quỹ đạo chuyển động tàu	TS. Vũ Văn Duy TS. Phạm Văn Phước

Hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu	Các nhà khoa học có thể hướng dẫn NCS
thủy trên một số tuyến luồng hàng hải.	
16. Nghiên cứu ảnh hưởng của động lực học dòng chảy, gió, tổ hợp chân vịt-bánh lái, xâm thực bánh lái,... đến đặc tính điều khiển hướng và ổn định của tàu thủy.	TS. Trần Khánh Toàn
17. Nghiên cứu về an ninh hàng hải	TS. Trần Ngọc Tú
18. Nghiên cứu về tương tác thủy động học giữa tàu với tàu, tàu với luồng khi hành trình trong vùng nước hạn chế.	TS. Nguyễn Trọng Đức TS. Nguyễn Trung Đức

6. CHUYÊN NGÀNH: KỸ THUẬT TÀU THỦY; MÃ SỐ: 9520116

Hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu	Các nhà khoa học có thể hướng dẫn NCS
1. Lý thuyết thiết kế: Nghiên cứu phát triển phương án và giải pháp thiết kế mới hiệu quả, thân thiện với môi trường.	PGS.TS. Phạm Tiến Tỉnh
2. Thủy động lực học: Nghiên cứu lĩnh vực thủy động lực học tàu thủy và công trình nổi.	PGS.TS. Lê Hồng Bang
3. Cơ học tàu thủy: Nghiên cứu bài toán tối ưu về sức bền, kết cấu tàu và công trình nổi.	PGS.TS. Đỗ Quang Khải
4. Công nghệ đóng tàu: Nghiên cứu về giải pháp công nghệ đóng tàu hiệu quả và thân thiện với môi trường.	TS. Lê Văn Hạnh
5. Tổ chức sản xuất: Nghiên cứu các mô hình quản lý nhà máy đóng tàu, quản lý sản xuất đóng tàu hiệu quả.	PGS.TS. Trần Ngọc Tú
6. Thiết bị tàu và thiết bị công nghệ đóng tàu: Nghiên cứu phát triển, cải tiến để khai thác hiệu quả các thiết bị tàu thủy và thiết bị công nghệ đóng tàu.	TS. Lê Thanh Bình

Tổng số: 06 (sáu) trang.

Ghi chú: Trường Đại học Hàng hải Việt Nam có thể mời các nhà khoa học uy tín ngoài Trường thỏa mãn tiêu chuẩn, có ngành/chuyên ngành phù hợp tham gia hướng dẫn nghiên cứu sinh./. 

**DANH MỤC NGÀNH PHÙ HỢP ĐƯỢC XÉT TUYỂN
ĐỐI VỚI TÙNG NGÀNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ**
*(Kèm theo Thông tư số 1550/TB-ĐHHHVN về việc tuyển sinh năm 2021,
ngày 12/11/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hàng hải Việt Nam)*

Căn cứ Thông tư số 08/2017/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành “Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ”;

Căn cứ vào Thông tư số 25/2017/TT-BGDĐT ngày 10 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ thạc sĩ, tiến sĩ, có hiệu lực kể từ 25 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Quyết định số 1713A/QĐ-ĐHHHVN ngày 25 tháng 9 năm 2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hàng hải Việt Nam về việc ban hành “Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ”.

Trường Đại học Hàng hải Việt Nam ban hành Danh mục ngành/chuyên ngành phù hợp được xét tuyển đối với từng ngành đào tạo trình độ tiến sĩ năm 2021 tại Trường Đại học Hàng hải Việt Nam như sau:

STT	DANH MỤC NGÀNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ	DANH MỤC NGÀNH/CHUYÊN NGÀNH PHÙ HỢP ĐƯỢC XÉT TUYỂN
1	TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ VẬN TẢI; MÃ SỐ: 9840103	<ul style="list-style-type: none"> 1.1. Khai thác vận tải <ul style="list-style-type: none"> 1.1.1. Tổ chức và quản lý vận tải* 1.1.2. Kinh tế biển* 1.1.3. Kinh tế vận tải thủy* 1.2. Quản trị - Quản lý <ul style="list-style-type: none"> 1.2.1. Quản lý kinh tế 1.3. Các ngành/chuyên ngành Kinh doanh và quản lý, Dịch vụ vận tải khác (xem xét cụ thể)
2	KHOA HỌC HÀNG HẢI; MÃ SỐ: 9840106	<ul style="list-style-type: none"> 2.1. Khai thác vận tải <ul style="list-style-type: none"> 2.1.1. Khoa học hàng hải 2.1.1.1. Quản lý Hàng hải*. 2.1.1.2. Bảo đảm an toàn Hàng hải*. 2.1.1.3. Điều khiển tàu biển* 2.1.1.4. Kỹ thuật hàng hải* 2.1.2. Tổ chức và quản lý vận tải 2.2. Kỹ thuật điện, điện tử và viễn thông <ul style="list-style-type: none"> 2.2.1. Kỹ thuật điện 2.2.2. Kỹ thuật điện tử 2.2.3. Kỹ thuật radar - dẫn đường 2.2.4. Kỹ thuật viễn thông 2.2.5. Kỹ thuật máy tính 2.2.6. Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa 2.3. Kỹ thuật môi trường 2.4. Vật lý kỹ thuật 2.5. Kỹ thuật trắc địa - bản đồ 2.6. Luật quốc tế 2.7. Thiên văn học

STT	DANH MỤC NGÀNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ	DANH MỤC NGÀNH/CHUYÊN NGÀNH PHÙ HỢP ĐƯỢC XÉT TUYỂN
		<p>2.8. Cơ học chất lỏng</p> <p>2.9. Khoa học trái đất</p> <p>2.9.1. Bản đồ viễn thám và hệ thông tin địa lý</p> <p>2.9.2. Khí tượng và khí hậu học</p> <p>2.9.3. Thuỷ văn học</p> <p>2.9.4. Hải dương học</p> <p>2.10. Khoa học môi trường</p> <p>2.11. Các ngành/chuyên ngành Kỹ thuật, Dịch vụ vận tải khác (xem xét cụ thể)</p>
3	KỸ THUẬT CƠ KHÍ ĐỘNG LỰC; MÃ SỐ: 9520116	<p>3.1. Kỹ thuật cơ khí và cơ kỹ thuật</p> <p>3.1.1. Kỹ thuật cơ khí động lực:</p> <p>3.1.1.1. Khai thác, bảo trì tàu thủy*</p> <p>3.1.1.2. Máy và thiết bị tàu thủy*</p> <p>3.1.1.3. Máy khai thác*</p> <p>3.1.1.4. Máy tàu thủy*</p> <p>3.1.2. Kỹ thuật tàu thủy:</p> <p>3.1.2.1. Kỹ thuật tàu thủy*</p> <p>3.1.2.2. Thiết kế tàu và công trình ngoài khơi (tên cũ là chuyên ngành Thiết kế thân tàu thủy)*;</p> <p>3.1.2.3. Đóng tàu và công trình ngoài khơi (tên cũ là chuyên ngành Đóng tàu thủy)*.</p> <p>3.1.3. Cơ kỹ thuật</p> <p>3.1.4. Kỹ thuật cơ khí</p> <p>3.1.5. Kỹ thuật cơ điện tử</p> <p>3.1.6. Kỹ thuật nhiệt</p> <p>3.1.7. Kỹ thuật công nghiệp</p> <p>3.1.8. Kỹ thuật hệ thống công nghiệp</p> <p>3.1.9. Kỹ thuật ô tô</p> <p>3.1.10. Kỹ thuật năng lượng</p> <p>3.2. Kỹ thuật điện, điện tử và viễn thông</p> <p>3.2.1. Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa</p> <p>3.2.2. Kỹ thuật máy tính</p> <p>3.3. Các ngành/chuyên ngành Kỹ thuật khác (xem xét cụ thể)</p>
4	KỸ THUẬT ĐIỀU KHIỂN VÀ TỰ ĐỘNG HÓA; MÃ SỐ: 9520216	<p>4.1. Kỹ thuật điện, điện tử và viễn thông</p> <p>4.1.1. Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa*</p> <p>4.1.2. Kỹ thuật điện</p> <p>4.1.3. Kỹ thuật điện tử</p> <p>4.1.4. Kỹ thuật radar - dẫn đường</p> <p>4.1.5. Kỹ thuật viễn thông</p> <p>4.1.6. Kỹ thuật máy tính</p> <p>4.1.7. Công nghệ thông tin</p> <p>4.1.8. Điện tự động tàu thủy*</p>

ÔNG
 VƯỜNG
 AI HỌC
 ĐANG H
 VIỆT NAM

STT	DANH MỤC NGÀNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ	DANH MỤC NGÀNH/CHUYÊN NGÀNH PHÙ HỢP ĐƯỢC XÉT TUYỂN
		4.1.9. Tự động hóa hệ thống điện* 4.1.10. Điện tự động công nghiệp* 4.1.11. Điện tự động giao thông vận tải* 4.2. Kỹ thuật cơ khí 4.2.1. Kỹ thuật cơ điện tử 4.3. Các ngành/chuyên ngành Kỹ thuật khác (xem xét cụ thể).
5	KỸ THUẬT XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH THỦY; MÃ SỐ: 9580202	5.1. Xây dựng 5.1.1. Kỹ thuật xây dựng công trình thủy* 5.1.2. Kỹ thuật công trình biển 5.1.3. Kỹ thuật xây dựng công trình ngầm 5.1.4. Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông 5.1.5. Kỹ thuật xây dựng công trình đặc biệt 5.1.6. Kỹ thuật xây dựng 5.1.7. Kỹ thuật cơ sở hạ tầng 5.1.8. Địa kỹ thuật xây dựng 5.2. Quản lý xây dựng 5.3. Kiến trúc và xây dựng 5.3.1. Kiến trúc và quy hoạch 5.3.2. Kiến trúc 5.4. Khoa học vật liệu 5.5. Các ngành/chuyên ngành Xây dựng khác (xem xét cụ thể).

*Ghi chú: Các ngành/chuyên ngành ở trình độ thạc sĩ hoặc đại học đánh dấu **
là các ngành/chuyên ngành đúng được xét tuyển.

Tổng số: 03 (ba) trang./. 

